

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại Biên bản hòa giải và Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020; các đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được ranh giới sử dụng đất vườn rừng của hai hộ gia đình (theo mảnh trích đo số 125-2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang và sơ đồ xác định thêm điểm theo sự thỏa thuận của các đương sự).

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp bổ sung đất cho ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T với diện tích 20,1m² đất ở đô thị.

Bị đơn ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T tự nguyện trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H; địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ B, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Vinh N; Bà Nguyễn Thị T; cùng trú tại địa chỉ: Số nhà C, đường L, tổ D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Vinh N: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Tổ D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T: Ông Vũ Văn K; nơi cư trú: Tổ E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang (theo Giấy ủy quyền được lập ngày 17/7/2018).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh H, chức vụ: Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân P, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H.

- Bà Hoàng Thị Mai H; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H. Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ B, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (theo Giấy ủy quyền được lập ngày 18/8/2017).

II. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp bổ sung đất cho ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T với diện tích 20,1m² đất ở đô thị.

III. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các đương sự nhất trí tự nguyện thỏa thuận: Ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T được sử dụng toàn bộ diện tích đất 35,3m² được xác định tại các điểm T1, T2, T3 đến T4 khép về T1 (theo mảnh trích đo số 125-2020 và sơ đồ xác định thêm điểm theo sự thỏa thuận đương sự của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang, có sơ đồ kèm theo); địa chỉ: Tổ D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Đề nghị cơ quan chuyên môn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

2. Các đương sự nhất trí tự nguyện thỏa thuận, ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Nguyễn Xuân H số tiền san ủi và cải tạo đất đối với phần đất đã được xác định tại điểm T1, T2, T3 đến T4 khép về T1 với diện tích là 35,3m² với số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng).

3. Bà Nguyễn Thị T nhất trí chuyển số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Xuân H qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hà Giang vào ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại số tài khoản của anh Hòa là 8200205085530 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hà Giang.

4. Ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T sẽ sử dụng và để cho con của ông N, bà T sử dụng phần đất 35,3m², không thực hiện việc chuyển nhượng cho người khác.

5. Ông Nguyễn Xuân H ký giáp ranh, bàn giao đúng hiện trạng đất đối với phần đất mà hai bên đã thỏa thuận; ông H san ủi phần đất phía sau nhà của ông N, bà T (phần diện tích đất các đương sự đã thỏa thuận với nhau) khi ông H thi công thực hiện việc san ủi.

6. Về chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Xuân H chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), đã nộp đủ.

- Ông Hoàng Vinh N, bà Nguyễn Thị T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc với số tiền 6.812.900đ (sáu triệu tám trăm mười hai nghìn chín trăm đồng), đã nộp đủ.

7. Về án phí:

- Ông Nguyễn Xuân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 150.000đ (một trăm lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2013/00509, ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; trả lại ông H số tiền 150.000đ (một trăm lăm nghìn đồng).

- Trả lại ông Nguyễn Xuân H số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2013/00510 ngày 18 tháng 8 năm 2017.

- Trả lại ông Nguyễn Xuân H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Hoàng Việt A nộp thay ông Nguyễn Xuân H tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2013/00713 ngày 12 tháng 3 năm 2018.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân